

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-PT
Ngày 14/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chiu và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Tấn H – sinh năm 1977, địa chỉ: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ M – sinh năm 1984, địa chỉ: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Tiến D – sinh năm 1957, bà Trần Thị Mộng H – sinh năm 1957, địa chỉ: đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn H – sinh năm 1970, địa chỉ: đường H, phường M, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người kháng cáo: bà Trần Thị Mộng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ông Ngô Tấn H nhiều lần cho vợ chồng bà Trần Thị Mộng H, ông Lê Tiến D vay tổng số tiền là 4.030.000.000đ, cụ thể: Giấy mượn tiền ngày 02/4/2018 với số tiền 400.000.000đ, Giấy mượn tiền ngày 02/4/2018 với số tiền

710.000.000đ, Giấy mượn tiền ngày 02/4/2018 với số tiền 1.320.000.000đ, Giấy mượn tiền ngày 04/4/2018 với số tiền 50.000.000đ, Giấy mượn tiền ngày 27/4/2018 với số tiền 1.500.000.000đ và Giấy nộp tiền tại ngân hàng Sacombank ngày 16/8/2018 với số tiền 50.000.000đ.

Nay ông Ngô Tấn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H, ông D cùng liên đới trả số nợ gốc 4.030.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định, thời gian tính lãi từng khoản vay như sau: đối với các khoản vay vào ngày 02/4/2018 thì tính lãi từ ngày 05/4/2018; Đối với khoản vay ngày 04/4/2018 thì tính lãi từ ngày 07/4/2018; Đối với khoản vay ngày 27/4/2018 thì tính lãi từ ngày 27/5/2018; Đối với khoản vay ngày 16/8/2018 thì tính lãi từ ngày 19/8/2018. Trước đây, bà H, ông D có đưa cho ông H 280.000.000đ, do đó khi tính lãi thì khấu trừ số tiền này.

Đối với yêu phản tố của bà H về việc yêu cầu ông H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 748963 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân thương mại H, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/3/2017 thì ông H không đồng ý. Chỉ khi bà H, ông D trả xong nợ gốc và lãi cho ông H thì ông H mới trả lại Giấy chứng nhận.

Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Mộng H trình bày:

Bà H có vay của ông H nhiều lần, tổng cộng là 4.030.000.000đ. Đây là số tiền bà H vay riêng để kinh doanh nên không liên quan tới ông D, khi vay không thỏa thuận lãi suất, lúc vay tiền bà H có đưa cho ông H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 748963 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân thương mại H.

Nay ông H khởi kiện thì bà H đồng ý trả số tiền nợ gốc 4.030.000.000đ. Đối với tiền lãi thì trước đây bà H đã trả cho ông H 280.000.000đ, do đó, nay đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Ngày 02/3/2023, bà H có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu ông H trả lại cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 748963 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân thương mại H, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/3/2017.

Theo Đơn trình bày ngày 15/02/2023, ông Lê Tiến D trình bày: Việc bà H vay tiền của ông H và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 748963 cho ông H cầm giữ thì ông D không biết. Ông D không tham gia tố tụng cho đến khi thi hành án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Tấn H. Buộc đồng bị đơn bà Trần Thị Mộng H phải trả cho nguyên đơn ông Ngô Tấn H số tiền 5.747.044.600đ (*Năm tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*). Trong đó, nợ gốc là 4.030.000.000đ (*Bốn tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi 1.717.044.600đ (*Một tỷ bảy trăm mười bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Tấn H yêu cầu ông Lê Tiến D liên đới trả nợ cùng với bà H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của đồng bị đơn bà Trần Thị Mộng H. Buộc nguyên đơn ông Ngô Tấn H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất đứng tên doanh nghiệp tư nhân thương mại H, số giấy chứng nhận BY 748963, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 03213 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/3/2017 khi đồng bị đơn bà H trả đủ khoản tiền gốc và lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn ông Ngô Tấn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà Trần Thị Mộng H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Mộng H có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm tuyên buộc ông H có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận cho bà H ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật vì việc thế chấp giữa hai bên không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Lê Tiến D là chồng của bà H. Đối với số tiền 280.000.000 đồng mà bà H đã trả cho ông H đề nghị Tòa xem xét tính vào số tiền gốc chứ không phải tiền lãi như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án đối phần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Hủy 1 phần bản án và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn vì theo Văn bản số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà H về việc yêu cầu ông H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bị đơn cho rằng việc Tòa sơ thẩm quyết định ông H có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi bà H trả nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông D là chồng bà H nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

[2.1.1] Theo quy định tại Mục 1 phần 1 Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính; nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì là đối tượng khởi kiện hành chính”; theo đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính không phải là “bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ” và cũng không phải là “giấy tờ có giá” cho nên không phải là đối tượng để ông H cầm giữ tài sản, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 346 Bộ luật dân sự.

[2.1.2] Việc bà H đưa cho ông H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi vay tiền không theo đúng trình tự thủ tục của giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, trong việc thực hiện các quyền về sử dụng đất. Vì vậy, việc bà H giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là giao dịch vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức và vi phạm điều cấm của pháp luật.

[2.1.3] Từ những phân tích cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Buộc ông H phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

[2.1.4] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên về việc hủy 1 phần bản án và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn vì theo Văn bản số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét, theo Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.”*. Như vậy, cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định

tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên không chấp nhận đề nghị này của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

[2.2] Xét kháng cáo của bà H về số nợ gốc 4.030.000.000đ, bà H cho rằng đã trả 280.000.000đ nợ gốc, còn lại nợ gốc là 3.750.000.000đ. Tuy nhiên, theo lời khai của bà H tại biên bản hòa giải (bút lục số 23), lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà H tại biên bản hòa giải (bút lục 29) và lời khai của bà H tại phiên tòa sơ thẩm thì bà H đã thống nhất hiện còn nợ ông H số tiền nợ gốc là 4.030.000.000đ, đối với tiền lãi thì đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật, trước đây bà H đã trả lãi 280.000.000đ cho ông H. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn ông Ngô Tấn H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Tiến D, bà Trần Thị Mộng H trả số tiền gốc 4.030.000.000đ (*bốn tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*), để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông H cung cấp các giấy mượn tiền. Bị đơn bà Trần Thị Mộng H thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền gốc 4.030.000.000đ, các giấy mượn tiền là do bà H viết. Ông Lê Tiến D trình bày việc bà H vay tiền thì ông D không biết, ông D không có ký vào bất kỳ giấy tờ nào về việc vay tiền giữa bà H với ông H. Việc bà H khi vay tiền đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp tư nhân H Hòa Bình cho ông H giữ thì ông D không biết. Nguyên đơn ông H cũng thừa nhận tất cả các lần cho bà H vay tiền đều không có mặt ông D. Bà H cũng thừa nhận khi bà vay tiền của ông H thì ông D không biết và không tham gia vào việc bà vay tiền của ông H nên đây là khoản nợ của cá nhân bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H trả nợ, mà không chấp nhận yêu cầu ông D phải liên đới trả nợ cho ông H là đúng pháp luật. Các đương sự thống nhất tính lãi theo quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả khoản nợ lãi tiền lãi 1.717.044.600đ (sau khi trừ 280.000.000đ tiền lãi bà H đã trả cho ông H) là có căn cứ pháp luật.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Mộng H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mộng H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Áp dụng Điều 26, Điều 38, Điều 39, Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 164; 298; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Tấn H, buộc bị đơn bà Trần Thị Mộng H phải trả cho nguyên đơn ông Ngô Tấn H số tiền 5.747.044.600đ (*Năm tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*). Trong đó, nợ gốc là 4.030.000.000đ (*Bốn tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi 1.717.044.600đ (*Một tỷ bảy trăm mười bảy triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Ngô Tấn H cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Mộng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Tấn H về việc yêu cầu ông Lê Tiến D liên đới cùng bà Trần Thị Mộng H trả nợ.

[3] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Mộng H, buộc ông Ngô Tấn H giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 748963 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân thương mại H, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 14/3/2017 (Số vào sổ cấp GCN: CT03213) cho bà Trần Thị Mộng H.

[4] Về án phí sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị Mộng H 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8022 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn ông Ngô Tấn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 41.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7588 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, nên hoàn trả cho ông Ngô Tấn H số tiền 40.700.000đ (*Bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị Mộng H 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8153 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thành phố Tuy Hòa (2);
- VKSND thành phố Tuy Hòa (1);
- Chi cục THADS Tp Tuy Hòa (1)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn, tt, KTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Lâm